

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HS-ST
Ngày: 28/03/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thùy Liễu.

Ông Nguyễn Minh Tân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2022/HSST ngày 24/01/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/HSST-QĐ ngày 08/02/2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB - TA ngày 21/02/2022; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 01/TB - TA ngày 17/3/2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB - TA ngày 18/3/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức Q, sinh năm 1956; ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn T, xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/10; Con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị K (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị N và 03 con, con lớn sinh năm 1976, con nhỏ sinh năm 1986; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân: Bản án số 17/2019/HS - ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 09 năm tù về tội Giả mạo trong công tác, thời hạn tù tính từ ngày bắt 06/12/2018.

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam T, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người làm chứng:** Anh Lê Văn L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: CH 2915, ParkX, khu đô thị V, L, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

- Ông Phạm Quý G, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/4/2002, Chủ tịch UBND xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương ký quyết định số 05/QĐ - UBND bổ nhiệm Nguyễn Đức Q giữ chức vụ Phó trưởng Công an xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã L, thành phố H), thời hạn kể từ ngày 01/4/2002 (Quyết định không ghi thời hạn giữ chức vụ). Q được trưởng công an xã L giao nhiệm vụ quản lý phôi sổ hộ khẩu do Công an huyện cấp và giúp việc cho Trưởng công an xã trong việc quản lý nhân hộ khẩu, làm thủ tục cấp sổ hộ khẩu, xác nhận nhân sự, đăng ký nhập khẩu, chuyển khẩu cho công dân và công tác đảm bảo an ninh trên địa bàn xã L.

Năm 2013 Lê Văn L, sinh năm 1981 ở khu đô thị V L, phường M, quận H, Hà Nội bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng được hoãn thi hành án. Năm 2017, L được miễn thi hành án, tuy nhiên L không được xuất cảnh. Do công việc kinh doanh trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thực phẩm và sản xuất thiết bị y tế cần phải giao dịch với nhiều đối tác nước ngoài nên L có nhu cầu xuất cảnh. Giữa năm 2014, L có quen biết với một người đàn ông (không nhớ tên, tuổi, địa chỉ) nhận làm chứng minh nhân dân, hộ chiếu tại tỉnh Hải Dương. Qua trao đổi, người đàn ông nói với L về việc có thể giúp L làm được chứng minh nhân dân, hộ chiếu mang tên người khác để xuất cảnh với giá 2.000.000đ. L đồng ý và cung cấp cho người này 04 ảnh (2 x 3). Khoảng một tuần sau L xuống thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương gặp người đàn ông trên rồi đưa số tiền 2 triệu đồng và thêm ảnh (3 x 4). Người đàn ông hướng dẫn L lăn tay và ký tên vào đơn đề nghị cấp giấy chứng minh nhân dân sau đó L về Hà Nội.

Theo Nguyễn Đức Q khai: Khoảng tháng 8 năm 2014, anh Phạm Quý G, sinh năm 1961 ở xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương nhờ Q về việc anh G có người quen muốn làm hồ sơ đi công tác nhưng không có giấy tờ, người này không phải là người ở xã L nên muốn nhờ Q giúp giấy xác nhận để làm chứng minh nhân dân. Q đồng ý. Anh G đưa cho Q một mảnh giấy ghi họ, tên, ngày, tháng, năm sinh của người tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 07/9/1980 nơi ở thôn T, xã L; Phạm Thị K, sinh ngày 5/11/1983 (là vợ); Nguyễn Văn D, sinh ngày 8/7/2007 và Nguyễn Thị M, sinh ngày 4/8/2011 (là con); bố là Nguyễn Văn T, mẹ là Phạm Thị L và 01 bức ảnh chân dung (3x4) kèm theo số tiền 100.000đ. Sau đó, Q mang những tài liệu trên về phòng làm việc tại trụ sở UBND xã L. Q đã dùng phôi sổ hộ khẩu rồi tự viết các thông tin về chủ hộ, các thành viên trong gia đình Nguyễn Văn H với thông tin giả như trên vào sổ hộ khẩu rồi ký tên, đóng dấu tròn của Công an xã L, dấu chức danh của Q vào từng trang hộ khẩu. Q lấy mẫu tờ khai chứng minh nhân dân, đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân rồi tự viết các thông tin của Nguyễn Văn H và trực tiếp ký tên mình, đóng dấu của Công an xã L, đóng dấu giáp lai ảnh. Q lấy bản sao Giấy khai sinh rồi ghi thông tin của Nguyễn Văn H vào. Sau khi làm xong Q đưa toàn bộ tài liệu trên cho G.

Khoảng cuối tháng 8 năm 2014, người đàn ông L thuê làm chứng minh nhân dân gọi điện hẹn L xuống thị trấn G, tỉnh Hải Dương lấy chứng minh nhân dân sau đó đưa L đến Phòng xuất nhập cảnh Công an tỉnh Hải Dương để làm quyền hộ chiếu. Khoảng 01 tuần sau L nhận được 01 chứng minh nhân dân số 142932144, 01 quyền hộ chiếu, 01 sổ hộ khẩu số 270448742 cấp ngày 05/6/2012 mang tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 7/9/1980 trú tại xã L, G, Hải Dương, L trả thêm cho người đàn ông đó số tiền 1.000.000đ.

Do quyền hộ chiếu mang tên Nguyễn Văn H bị mất, ngày 26/11/2018 L đã mang sổ hộ khẩu làm từ năm 2014 đến Công an huyện G, tỉnh Hải Dương đề nghị cấp mới thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn H. Sau đó L mang căn cước công dân mang tên H đến Cục xuất nhập cảnh Bộ công an để được cấp lại hộ chiếu. Ngày 21/3/2019, L được cấp lại hộ chiếu số C6980496 với tên là Nguyễn Văn H.

Ngày 21/10/2019, Lê Văn L đến Công an thành phố Hà Nội đề nghị xin cấp căn cước với tên thật là Lê Văn L, sinh năm 1981 ở khu đô thị V, L, phường M, quận H, Hà Nội thì được cán bộ công an TP Hà Nội thông báo về việc L đã được cấp căn cước công dân với tên Nguyễn Văn H nên không làm được căn cước công dân với tên Lê Văn L nữa. Nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên

ngày 6/9/2020, Lê Văn L có đơn trình báo đến Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Hải Dương đề nghị hủy các giấy tờ mang tên Nguyễn Văn H.

Xác định vụ việc có dấu hiệu tội phạm nên ngày 03/11/2020, Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự Công an tỉnh Hải Dương đã chuyển hồ sơ vi phạm đến cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Hải Dương để điều tra, xác minh theo thẩm quyền. Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Hải Dương đã tiến hành thu giữ, quản lý hồ sơ xin cấp chứng minh nhân dân năm 2014 của Nguyễn Văn H, sinh ngày 07/9/1980 trú tại xã L, G, Hải Dương gồm: Tờ khai chứng minh nhân dân, 01 đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân lần 1, giấy khai sinh bản sao, bản photo giấy chứng nhận hết cấp I phổ thông cơ sở, bản photo sổ hộ khẩu số 270448742. Hồ sơ xin cấp căn cước công dân năm 2018 của Nguyễn Văn H, sinh ngày 07/9/1980 trú tại xã L, G, Hải Dương gồm: Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân; tờ khai căn cước công dân; bản photo sổ hộ khẩu số 270538282. Đối với các giấy tờ bản gốc gồm chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu, sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Văn H, anh Lê Văn L xác định khoảng giữa năm 2019 đã làm rơi mất nên không thu giữ được.

Kết luận giám định số 145 ngày 31/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương: Dấu vân tay in trong chỉ bản số 142932144 lập ngày: 2014, mang tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 07/9/1980, nơi ĐKKHKT: xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương (mẫu cần giám định) so với dấu vân tay in trong biên bản thu thập vân tay lập ngày 07/12/2020 của anh Lê Văn L sinh năm 1981 trú tại khu đô thị V, TP. Hà Nội (mẫu so sánh) là của cùng một người.

Kết luận giám định số 101 ngày 31/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương:

5.1 - Chữ ký dạng chữ viết trên tờ khai chứng minh nhân dân (ký hiệu A2) không đủ yếu tố để tiến hành giám định do phần chữ viết xác nhận tên phía dưới là “Nguyễn Văn H”.

- Chữ ký dạng chữ viết mang tên Nguyễn Văn H trên Đơn đề nghị cấp giấy chứng minh nhân dân, Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân, Tờ khai căn cước công dân (*ký hiệu A1, A4, A5*) với chữ viết đứng tên Lê Văn L trên các tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M1 ->M3*) là do cùng một người viết ra.

5.2 - Chữ ký đứng tên “Phó trưởng CA Nguyễn Đức Q” trên Đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân (*ký hiệu A1*) với chữ ký cùng tên trên các tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M4 ->M7*) là do cùng một người ký ra.

5.3 - Trừ chữ “A G” tại mục “Số điện thoại”, còn lại chữ viết trên Đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân (*ký hiệu A1*),

- Chữ viết từ mục “Họ tên” đến mục “Họ tên mẹ” trên tờ khai chứng minh nhân dân (*ký hiệu A2*),

- Chữ viết trên Bản sao Giấy khai sinh (*ký hiệu A3*)

Với: chữ viết đứng tên Nguyễn Đức Q trên các tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M4 -> M7*) là do cùng một người viết ra.

5.4. Chữ viết trên Đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân, Tờ khai chứng minh nhân dân, Giấy khai sinh (*ký hiệu A1, A2, A3*) với chữ viết đứng tên Phạm Quý G trên các tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M8, M9*) là không phải do cùng một người viết ra.

5.5. Chữ ký mang tên “Phó chủ tịch Phạm Đình T” trên Giấy khai sinh (*ký hiệu A3*) với chữ ký cùng tên trên các tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M10 -> M16*) là không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “UBND xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương” trên giấy khai sinh (*ký hiệu A3*) với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M10 -> M16*) là do cùng một con dấu tròn đóng ra.

5.6. Hình dấu tròn có nội dung “Công an xã L – Công an huyện G – tỉnh Hải Dương” trên Đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân (*ký hiệu A1*) với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M17 -> M20*) là do cùng một con dấu tròn đóng ra.

Hoàn lại toàn bộ đối tượng giám định đã thống kê tại mục II.

Quá trình điều tra Nguyễn Đức Q đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

Tại Cáo trạng số 160/CT-VKSTPHD ngày 23/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Đức Q về tội “Giả mạo trong công tác” theo quy định tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay là điểm c khoản 2 Điều 359 của Bộ luật hình sự năm 2015). Tại công văn số 20/CV - VKS ngày 12/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử Nguyễn Đức Q về tội “Giả mạo trong công tác” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra và xác định hành vi làm giả giấy tờ cho trường hợp Lê Văn L không phải là người có Hộ khẩu thường trú tại địa phương với tên giả là Nguyễn Văn H

là vi phạm pháp luật. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm có cơ hội trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Q phạm tội “Giả mạo trong công tác”; Về hình phạt chính: Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009; điểm s, v khoản 1 Điều 51; Điều 55, Khoản 1 Điều 56, Điều 7, khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 của Quốc Hội ngày 20/6/2017; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức Q từ **03 năm đến 03 năm 06 tháng tù**. Tổng hợp với hình phạt **09 (chín) năm** tù của bản án số 17/2019/HSST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án từ **12 năm đến 12 năm 06 tháng tù**, được trừ thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án số 17/2019/HSST ngày 27/9/2019 là **03 năm 03 tháng 22 ngày** tù. Bị cáo còn phải chấp hành **08 năm 08 tháng 08 ngày tù đến 09 năm 02 tháng 08 ngày tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/3/2022; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 89, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Truy thu số tiền 100.000đ thu lợi bất chính của bị cáo sung vào ngân sách nhà nước. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].**Về tố tụng:** Ngày 28/12/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, đề nghị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố hành vi phạm tội của Nguyễn Đức Q theo quy định cụ thể tại điểm nào của khoản 2 Điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999 và ghi rõ Bộ luật hình sự được áp dụng để truy tố đối với hành vi của Nguyễn Đức Q là Bộ luật hình sự năm 1999 hay Bộ luật hình sự năm 2015. Tại công văn số 20/CV - VKS

ngày 12/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử Nguyễn Đức Q về tội “Giả mạo trong công tác” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Theo quy định tại khoản 1 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử đối với Nguyễn Đức Q theo cáo trạng truy tố và công văn Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức Q vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với lý do hiện tuổi cao, sức khỏe yếu, đang bị huyết áp cao phải điều trị tại bệnh viện, quãng đường trích xuất từ Trại giam T, tỉnh Thanh Hóa về tham gia tố tụng tại phiên tòa rất xa, bị cáo không đảm bảo được sức khỏe để tham gia phiên tòa. Xét thấy lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và Đơn xin xét xử vắng mặt của bị cáo đã rõ ràng. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 8 năm 2014, Nguyễn Đức Q với chức vụ là Phó trưởng công an xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương (Nay là xã L, thành phố H) được phân công quản lý nhân hộ khẩu, lợi dụng chức vụ quyền hạn làm, cấp 03 giấy tờ giả gồm: Tờ khai chứng minh nhân dân, đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân lần 1, giấy khai sinh bản sao cho Lê Văn L, sinh năm 1981 ở khu đô thị V L, phường M, quận H, Hà Nội không phải là người địa phương mang hộ khẩu tại xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương với tên giả Nguyễn Văn H, sinh ngày 07/9/1980 nơi ĐKHKTT xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương để L được cấp chứng minh nhân dân, hộ chiếu mang tên Nguyễn Văn H.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và là người có chức vụ, quyền hạn, có trách nhiệm được phân công là người lập và cấp các giấy tờ tài

liệu trên. Bị cáo biết rõ Lê Văn L không phải là công dân của địa phương nhưng do động cơ cá nhân bị cáo đã lợi dụng chức vụ quyền hạn cấp sổ hộ khẩu, xác nhận vào đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân, viết vào tờ khai chứng minh nhân dân và giấy khai sinh cho Lê Văn L với tên giả là Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương để L được cấp chứng minh nhân dân, hộ chiếu mang tên Nguyễn Văn H nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giả mạo trong công tác” với tình tiết định khung hình phạt “Người phạm tội là người có trách nhiệm lập và cấp các giấy tờ, tài liệu” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 284 Bộ luật hình sự 1999. Do hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước ngày 01/1/2018 nên căn cứ Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự thì hành vi của bị cáo áp dụng Điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999 có lợi hơn so với Điều 359 Bộ luật hình sự năm 2015 nên truy tố, xét xử bị cáo về tội “Giả mạo trong công tác” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối cải. Trong quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích được Bộ trưởng Bộ công an tặng kỷ niệm chương bảo vệ an ninh Tổ quốc, được ban chấp hành Trung ương đảng cộng sản Việt Nam tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo nguyên là Phó trưởng công an xã biết rõ các quy định về cấp sổ hộ khẩu và tờ khai chứng minh nhân dân cũng như giấy khai sinh nhưng vì động cơ cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Xét về nhân thân, năm 2019 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử 09 năm tù cùng về tội Giả mạo trong công tác, do vậy cần xử bị cáo hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Do bị cáo đang chấp hành hình phạt 09 (chín) năm tù theo bản án hình sự số 17/2019/HSST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tại Trại giam T, tỉnh Thanh Hóa, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 06/12/2018. Như vậy, từ ngày 06/12/2018 đến ngày 28/3/2022 bị cáo chấp hành được 03 năm 03 tháng 22 ngày tù, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cần căn cứ quy định tại Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt

đối với bị cáo, trừ thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, hoàn cảnh gia đình và về chức vụ bị cáo đã bị cách chức nên không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ và phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: Các giấy tờ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được lưu giữ trong hồ sơ vụ án nên HĐXX không xem xét, giải quyết về vật chứng.

Quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt bị cáo khai khi làm các giấy tờ giả nêu trên thì có được ông Phạm Quý G đưa cho số tiền 100.000đ. Xác định đây là số tiền thu lợi bất chính nên cần truy thu của bị cáo số tiền trên để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 89, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

[8] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về vấn đề khác: Đối với ông Phạm Quý G, quá trình điều tra Nguyễn Đức Q khai làm giả sổ hộ khẩu cho trường hợp Nguyễn Văn H là do Phạm Quý G đưa tiền, đưa thông tin để Q làm giấy tờ giả. Tuy nhiên cơ quan điều tra không thu thập được bản gốc của sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Văn H, ông Phạm Quý G không thừa nhận, đồng thời căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không có căn cứ xử lý đối với Phạm Quý G.

Đối với giấy khai sinh (bản sao) đóng dấu và ký tên Phó chủ tịch Phạm Đình T. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã trưng cầu giám định xác định chữ ký mang tên “Phó chủ tịch Phạm Đình T” trên Giấy khai sinh với chữ ký cùng tên trên các tài liệu mẫu so sánh là không phải do cùng một người ký ra nên không có căn cứ xử lý đối với ông Phạm Đình T.

Đối với hành vi của Lê Văn L đến nay các tài liệu gồm chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu, sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Văn H đều không thu thập được bản gốc, xác minh tại Cục xuất nhập cảnh Bộ công an thể hiện số hộ chiếu B9552820 cấp ngày 03/9/2014 mang tên Nguyễn Văn H để xuất cảnh ra nước ngoài 14 lần qua cửa khẩu sân bay Nội Bài sang các nước Trung Quốc, Thái Lan, Singapore. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương đã làm thủ tục ủy thác tư pháp về hình sự thông qua Viện kiểm sát nhân dân tối cao gửi đến Viện kiểm sát nhân dân các nước nêu trên phối hợp xác minh về việc Lê Văn L sử dụng hộ chiếu được cấp mang tên Nguyễn Văn H để xuất cảnh có thật hay không, tại

các nước đó L có vi phạm pháp luật hay không nhưng đến nay chưa có kết quả nên đã ra Quyết định tách vụ án “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” để điều tra, xử lý sau là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 284 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009, điểm s, v khoản 1 Điều 51, Điều 55, Khoản 1 Điều 56, Điều 7, khoản 1 Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 89, điểm b khoản 2 Điều 106, Điểm c khoản 2 Điều 290, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 của Quốc Hội ngày 20/6/2017; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Q phạm tội “Giả mạo trong công tác”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Q **03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù**. Tổng hợp với hình phạt **09 (chín) năm** tù của bản án số 17/2019/HSST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **12 (mười hai) năm 03 (ba) tháng tù**, được trừ thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án số 17/2019/HSST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương là **03 (ba) năm 03 (ba) tháng 22 (hai mươi hai) ngày tù**. Bị cáo còn phải chấp hành **08 (tám) năm 11 (mười một) tháng 08 (tám) ngày tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/3/2022.

3. Về vật chứng: Truy thu của bị cáo số tiền 100.000đ thu lợi bất chính đề sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Đức Q.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT- Công an TP Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Trại giam Thanh Cẩm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu

